

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG TƯ DUY VÀ ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TẠI ĐẠI HỘI XI

NGUYỄN VĂN ĐIỂN^(*)

Qua 20 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Cương lĩnh năm 1991) để xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho thấy, giá trị định hướng và chỉ đạo của Cương lĩnh ngày càng được khẳng định. Tuy nhiên, do tình hình trong và ngoài nước có nhiều đổi thay, nên việc bổ sung và phát triển Cương lĩnh là tất yếu, thể hiện sự đổi mới có tính cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh khẳng định mạnh mẽ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung và phát triển năm 2011) đã kế thừa các quan điểm tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời có những điểm mới như: Bổ sung đánh giá thành tựu của cách mạng Việt Nam kể từ khi có Cương lĩnh năm 1991; bổ sung, cụ thể hoá một số bài học rút ra từ công cuộc đổi mới trong giai đoạn vừa qua; bổ sung đánh giá về đặc điểm của giai đoạn hiện nay của thời đại; bổ sung, làm rõ thêm về những đặc

trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa; bổ sung, cụ thể hoá một số nội dung về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phát triển một số nội dung trong các phương hướng cơ bản xây dựng đất nước; bổ sung nội dung về việc nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ trong việc thực hiện các phương hướng cơ bản; điều chỉnh một số điểm trong mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ.....

Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*, trên cơ sở các bài học kinh nghiệm và trong thực tế thực hiện “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010)” đã thể hiện định hướng cốt lõi là “*đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế*” (chuyển từ mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng sang mô hình kết hợp theo chiều rộng và chiều sâu một cách hợp lý; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiệu quả, hiện đại). Chiến lược cũng đề ra 5 quan điểm phát triển bền vững, nêu 3 khâu đột phá nhằm giải quyết các “nút thắt” của nền kinh tế để thực hiện những nội dung trọng tâm của Chiến

(*) ThS., Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia khu vực II, Tp. Hồ Chí Minh.

lược. Việc thực hiện thành công *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020* sẽ đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên cơ sở mục tiêu tổng quát này, *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020* đề ra các mục tiêu chủ yếu sát hợp cho từng lĩnh vực.

Báo cáo chính trị tại Đại hội XI là sự cụ thể hoá những định hướng đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020. Định hướng cốt lõi của Báo cáo chính trị cũng là định hướng cốt lõi của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 “đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế” hướng tới mục tiêu bao trùm là đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

Có thể nói, các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã đưa ra được nhiều điểm mới trong tư duy và đường lối lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây vừa là tiền đề cho các hành động cách mạng trong giai đoạn sắp tới của cả dân tộc, đồng thời vừa làm gia tăng niềm tin vào sự lãnh đạo đổi mới toàn diện của Đảng ta hiện nay. Chúng ta có thể điểm qua một số vấn đề cơ bản như sau.

Thứ nhất, trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, Đảng ta xác định “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng... có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất *tiến bộ*, phù hợp” (1, tr.70). Đây là sự phát triển, đổi mới về tư duy so với Đại hội X. Năm 2006, Đảng ta cụ thể hóa một trong những

đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở nước ta là xây dựng các “quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của các lực lượng sản xuất” (2, tr.68). Đại hội XI (năm 2011) của Đảng đã bổ sung, phát triển đầy đủ hơn luận điểm rất quan trọng này là: xây dựng các “quan hệ sản xuất *tiến bộ*, phù hợp”. Trong thực tế, việc xây dựng các quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp có tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn; các quan hệ sản xuất chính là “cơ sở hạ tầng”, trên đó từng chế độ xã hội thiết lập một kiến trúc thượng tầng tương ứng. Thể chế chính trị, trước hết là nhà nước, có đứng vững được hay không, suy cho cùng, là do các quan hệ sản xuất quyết định. Do vậy, nhà nước nào cũng phải chăm lo xây dựng, củng cố cơ sở kinh tế của mình. Suy cho cùng, trong các cuộc cách mạng, tuy rằng khẳng định được chiến thắng ban đầu bằng việc giành lấy chính quyền, nhưng nó chỉ có thể đi đến thắng lợi cuối cùng sau khi thiết lập xong các quan hệ sản xuất tiến bộ hơn các quan hệ sản xuất mà nó đấu tranh, xóa bỏ sự thống trị (3). Mặt khác, việc xác định tính chất của quan hệ sản xuất như trên còn mở đường cho đất nước ta xây dựng được các quan hệ sản xuất thích hợp cho mỗi thời kỳ, giai đoạn khác nhau. Đảng ta còn yêu cầu phải hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân, để thành phần này trở thành một trong những động lực của nền kinh tế (đây là điểm mới so với Đại hội X). Bên cạnh đó, văn kiện Đại hội XI cũng xác định nền kinh tế nước ta hiện nay có 4 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ hai, Đảng ta nêu rõ trong quá trình thực hiện Cương lĩnh và Chiến

lược phát triển kinh tế - xã hội thì cần phải “Đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... không phiến diện, cực đoan, duy ý chí” (1, tr.26).

Đây thực chất là các yêu cầu thiết yếu trong việc đổi mới toàn diện, biện chứng khoa học công cuộc phát triển, đi lên bền vững hiện nay của nước ta. Quá trình phát triển thực tế thời gian qua đã cho thấy rõ những yêu cầu thiết thực đó và chúng ta kiên quyết thực thi quan điểm phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững.

Thứ ba, trước thực trạng của kinh tế - xã hội còn nhiều bất cập, nhiều “điểm nghẽn”, Đảng ta đã dũng cảm, sáng suốt khi chọn 3 khâu đột phá để thực hiện Chiến lược phát triển chung của đất nước là: “(i) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. (ii) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát

triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. (iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn” (1, tr.106).

Thời gian qua, quá trình đổi mới, phát triển toàn diện có nhiều khó khăn, nguyên do đều xuất phát từ các “nút thắt cổ chai” liên quan tới những khâu này, do đó việc xác định đúng nguyên nhân và khâu đột phá như trên có ý nghĩa quan trọng trong lãnh đạo xây dựng, phát triển đất nước của Đảng ta. Nó thể hiện Đảng ta đã nghiên cứu, tổng kết thấu đáo, bao quát toàn diện và xử lý được những khâu xung yếu nhất.

Thứ tư, trong quá trình phát triển bền vững, Đảng ta xác định phải “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa...” và coi đây là khâu mấu chốt, quan trọng nhất trong việc thực hiện hiệu quả khâu đột phá “phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” (1, tr.41). Có thể nói, trong thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và phát triển kinh tế tri thức hiện nay thì lĩnh vực giáo dục, đào tạo “con người” là quan trọng nhất. Nền giáo dục đó phải trong sạch, minh bạch, không chạy theo thành tích; phải quan tâm tới đội ngũ thầy cô giáo, không thể bỏ quên, để họ tự “bươn trải” và “vất vả” trau dồi chuyên môn, đạo đức như hiện nay. Nếu xây dựng được nền giáo dục đó thì chúng ta sẽ có những con người mới hiện đại, trung thực, dũng cảm, không tham nhũng, lãng phí,... để xây dựng được xã hội xã hội chủ nghĩa tốt đẹp mà chúng ta hằng mong muốn.

Thứ năm, về phát huy sức mạnh toàn dân tộc, Đảng ta xác định “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam”... Và có thể nói, lần đầu tiên chúng ta xác lập quan điểm hòa giải dân tộc một cách rõ ràng qua phương châm “Xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người...” (1, tr.48). Đây là tiền đề quan trọng để thu hút “trí thức Việt, nguồn lực Việt” từ khắp nơi trên thế giới về xây dựng Tổ quốc, quê hương chúng ta.

Thứ sáu, về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, lần đầu tiên chúng ta đã vận dụng quy luật khách quan “vững chắc như kiềng ba chân” thông qua việc thực hiện quan điểm “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp và *kiểm soát giữa các cơ quan* trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” (1, tr.52). Đây là tiền đề để chúng ta xây dựng được một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mạnh, minh bạch, trong sạch và toàn tâm, toàn ý phụng sự nhân dân.

Thứ bảy, trong công tác xây dựng đảng, Đảng ta lần đầu xác định “Thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng”, mạnh mẽ khẳng định trong công tác cán bộ để xây dựng hệ thống chính trị bền vững là phải “trọng dụng người có đức, có tài” (1, tr.58-59). Điều này chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức tiên tiến nhất của xã hội

và của toàn dân tộc vì luôn mong muốn kết nạp được những thành viên ưu tú, tài năng nhất vào tổ chức của mình. Điều này còn thể hiện tinh thần hòa thuận, đoàn kết sức mạnh toàn dân - một yếu tố cốt lõi của sức mạnh toàn dân tộc trong lãnh đạo xây dựng Tổ quốc.

Thứ tám, Đảng ta đã đề ra những điểm mới trong chính sách đối ngoại hiện nay. Điều này được cụ thể hóa trong việc nhấn mạnh các nội dung về lợi ích quốc gia dân tộc; xác định rõ hơn khía cạnh an ninh khi nêu rõ nhiệm vụ “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ”; chuyển từ chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác” (2, tr.112) sang “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” (1, tr 236). Đây là sự phát triển về quan điểm, chủ trương, chính sách phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tiễn hiện nay.

Đảng ta còn bổ sung thêm nguyên tắc giải quyết các vấn đề tồn tại trên cơ sở các “nguyên tắc ứng xử của khu vực” trong định hướng giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, ranh giới trên biển và thêm lực địa với các nước liên quan; mở rộng đối tượng quan hệ (ngoài các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền, Đảng ta chủ trương phát triển quan hệ với “các đảng khác”). Trong định hướng về quốc phòng an ninh, Đảng ta khẳng định “Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh, song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia và trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên Hợp Quốc” (1, tr.235, 236)...

Tóm lại, việc xây dựng, phát triển và bảo vệ thành công Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi Đảng ta phải có sự đổi mới tư duy phù hợp với các giai đoạn cách mạng khác nhau. Sự hình thành tư duy lãnh đạo tiến bộ, phù hợp là quá trình đòi hỏi nhận thức kịp thời, đầy đủ và tôn trọng các quy luật khách quan. Đồng thời, nó đặt ra yêu cầu rất cao về tính chủ động, tự giác, bản lĩnh của Đảng cầm quyền. Trong quá trình này, phải phòng tránh cả căn bệnh chủ quan, duy ý chí và căn bệnh kỹ trị, duy lý kinh tế cũng như mọi biểu hiện khác của chủ nghĩa duy vật tầm thường. Trên phương diện đó, kết quả của quá trình này quyết định thành bại của công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (3). Với các bước tiến nêu trên, nội dung các văn kiện Đại hội XI đã vừa thể

hiện tư duy, bản lĩnh lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, vừa là điều kiện cần và đủ để nhân dân, Nhà nước ta tăng thêm sự tin tưởng và đồng lòng thực hiện thành công đường lối đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. H.: Chính trị quốc gia, 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.
3. Nguyễn Viết Thảo. Xây dựng các quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp. http://www.cpv.org.vn/cpv/Module s/News/NewsDetail.aspx?co_id=30257&cn_id=453188